

Số: **245** /KH-UBND

Long Biên, ngày **16** tháng 5 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác tuyển sinh vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 quận Long Biên

Căn cứ Điều lệ trường học; Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 Bộ trưởng Bộ GDĐT; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Căn cứ Công văn số 909/SGD&ĐT-QLT ngày 30/3/2023 về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Căn cứ Tờ trình số 719/TTr-SGD&ĐT-CATP ngày 17/3/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội và Công An thành phố Hà Nội về việc phương án thực hiện Điều 14 Nghị định 104/2022/NĐ –CP ngày 21/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ trong công tác tuyển sinh vào các trường Mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 838/UBND-KGVX ngày 27/3/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phối hợp rà soát thông tin cư trú trong công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch công tác tuyển sinh của các nhà trường, số lượng trẻ, học sinh trong độ tuổi trên địa bàn các phường và điều kiện về cơ sở vật chất (CSVC), đội ngũ CBGVNV của các trường mầm non (MN), tiểu học (TH), trung học cơ sở (THCS) công lập, ngoài công lập trên địa bàn Quận,

Ủy ban nhân dân quận Long Biên ban hành Kế hoạch công tác tuyển sinh vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 như sau:

#### A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### I. Mục đích

- Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng

giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/lớp.

- Tăng quy mô tuyển sinh ở một số trường trên địa bàn và giảm dần quy mô đối với một số trường đã vượt quy mô theo quy định và điều kiện cơ sở vật chất nhà trường, đáp ứng các quy định về công tác kiểm định chất lượng và trường Chuẩn quốc gia.

## **II. Yêu cầu:**

- Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

- Hạn chế HS trái tuyến ở những trường có số lớp quá đông. Nếu sĩ số HS/lớp vượt so với quy định Điều lệ của trường học, nhà trường phải có văn bản báo cáo UBND Quận, phòng GDĐT; tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng quá tải HS ở nhà trường

- + Mầm non: Nhà trẻ không quá 25 trẻ/nhóm; mẫu giáo 3-4 tuổi không quá 25 trẻ/lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi không quá 30 trẻ/lớp; mẫu giáo 5-6 tuổi không quá 35 trẻ/lớp;

- + Tiểu học: không quá 35 HS/lớp.

- + Trung học cơ sở: không quá 42 HS/lớp.

- Tăng quy mô tuyển sinh ở một số trường mới thành lập (TH Gia Quất, Nguyễn Bình Khiêm; THCS Gia Quất. Lê Quý Đôn), giảm dần quy mô đối với một số trường đã vượt quy mô theo quy định và điều kiện cơ sở vật chất nhà trường tại các phường: Bồ Đề, Gia Thụy, Ngọc Lâm.

- Đảm bảo sự đồng đều về sĩ số HS/lớp đối với các trường có cùng quy mô trong khu vực.

- Các nhà trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản trong thực hiện tuyển sinh.

- Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp, Hiệu trưởng trường học là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

## **III. Số lượng dự kiến tuyển sinh vào các trường Mầm non, Tiểu học, THCS**

### **1. Số lượng dự kiến**



- a) Tuyển vào nhà trẻ: khoảng 4.233 trẻ
- b) Tuyển vào mẫu giáo: khoảng 5453 trẻ
- Trong đó mẫu giáo 5 tuổi: khoảng 860 trẻ
- c) Tuyển vào lớp 1: khoảng 7.345 HS  
(Tăng khoảng 2.022 HS so với năm học 2022-2023)
- d) Tuyển sinh vào lớp 6: khoảng 8.290 HS  
(Tăng khoảng 1.900 HS so với năm học 2022-2023)

e) Tuyển học sinh khuyết tật: tạo điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên để tiếp nhận trẻ khuyết tật đủ sức khỏe đến trường.

## **2. Phương thức tuyển sinh:**

- Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND Quận quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến
- Đối với trường chất lượng cao: Xét tuyển kết hợp với kiểm tra, đánh giá năng lực

## **B. NỘI DUNG**

### **I. Các trường tuyển sinh không theo tuyển**

#### **1. Mầm non chất lượng cao Đô thị Sài Đồng, Đô thị Việt Hưng, Nguyệt Quế**

- **Đối tượng tuyển sinh:** học sinh từ 12-72 tháng tuổi, hiện đang sinh sống trên địa bàn quận Long Biên.
- **Phương thức tuyển sinh:** Tuyển sinh trực tiếp hoặc đăng ký online qua cổng thông tin điện tử của nhà trường tại chuyên mục “Tuyển sinh”.
- **Thời gian tuyển sinh:** Từ ngày 01/6/2023 đến 25/7/2023.

#### **2. Tiểu học chất lượng cao Đô thị Sài Đồng**

- **Đối tượng tuyển sinh:** học sinh đã hoàn thành chương trình GDMN, hiện đang sinh sống trên địa bàn quận Long Biên.
- + *Chương trình tiểu học Việt Nam và tiểu học Cambridge:* tuyển 56 HS/2 lớp, mỗi lớp không quá 28 HS.
- + *Chương trình chất lượng cao:* tuyển 120 HS/4 lớp, mỗi lớp không quá 30HS.

- Thời gian thu đơn tuyển sinh từ: hạn cuối ngày 05/6/2023.
- Hình thức tuyển sinh trực tiếp: Xong trước 20/6/2023
- Thời gian hoàn thành tuyển sinh xong trước ngày 30/6/2023.

#### **3. Tuyển sinh vào trường THCS CLC Chu Văn An và trường THCS theo mô hình trường CLC Nguyễn Gia Thiều**

**3.1. Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6:** 210 HS/6 lớp/trường (mỗi lớp không quá 35 học sinh)

**3.2 Đối tượng và thời gian kiểm tra:**

- + Tuyển sinh lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2012), đã hoàn thành chương trình tiểu học
- + Địa bàn tuyển sinh: Toàn thành phố Hà Nội
- + Từ ngày 05/6 ->14/6/2023: Thời gian thu hồ sơ
- + Ngày 16/6/2023: Thông báo danh sách học sinh đủ điều kiện dự kiểm tra vòng 2
- + Ngày 20/6/2023: Kiểm tra vòng 2
- + Ngày 23/6/2023: Thông báo kết quả kiểm tra vòng 2 và nhận đơn phúc khảo
- + Ngày 25/6/2023: Chấm phúc khảo
- + Ngày 26/6/2023: Thông báo kết quả phúc khảo và danh sách học sinh trúng tuyển
- + Từ ngày 27/6 đến ngày 29/6/2023: Thu hồ sơ HS trúng tuyển
- + Ngày 30/6/2023: Báo cáo UBND Quận kết quả thu hồ sơ của học sinh trúng tuyển và xin tuyển bổ sung (nếu có).
- + Ngày 01/7/2023: Thông báo danh sách HS tuyển bổ sung và thu hồ sơ bổ sung (nếu có).
- + Ngày 02/7/2023: Báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

**3.3. Phương thức tuyển sinh:**

- Trường THCS CLC Chu Văn An: xét hồ sơ và kiểm tra, đánh giá năng lực.
- Trường THCS theo mô hình trường CLC Nguyễn Gia Thiều: Xét tuyển hồ sơ kết hợp với kiểm tra đo nghiệm (sau đây gọi chung là kiểm tra, đo nghiệm);

**3.4 Xét tuyển**

**3.4.1 Trường THCS CLC Chu Văn An**

- Vòng 1 Xét tuyển hồ sơ: Căn cứ kết quả rèn luyện và học tập của học sinh ở cấp tiểu học và diện ưu tiên (nếu có). Điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10, gồm điểm bài kiểm tra cuối kì I, II môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh (lớp 3,4,5), mỗi môn đạt từ 8 điểm trở lên.
- Vòng 2 Kiểm tra đánh giá năng lực: Đối với 3 môn Toán, Tiếng Việt, tiếng Anh; điểm tuyển sinh (ĐTS) được tính như sau:

$ĐTS = \text{Điểm Ưu tiên, khuyến khích} + \text{Điểm kiểm tra đánh giá năng lực 3 môn}$



Điểm xét tuyển sẽ lấy điểm từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu.

#### 3.4.2 Trường THCS theo mô hình trường CLC Nguyễn Gia Thiều

- Vòng1 Xét tuyển hồ sơ: Căn cứ kết quả rèn luyện và học tập của học sinh ở cấp tiểu học và diện ưu tiên (nếu có). Điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10, gồm điểm bài kiểm tra cuối kì I, II môn Toán, Tiếng Việt, tiếng Anh (lớp 3,4,5), mỗi môn đạt từ 8 điểm trở lên.

- Vòng 2 Kiểm tra đo nghiệm: Đối với 3 môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, điểm tuyển sinh (ĐTS) được tính như sau:

$ĐTS = \text{Điểm Ưu tiên, khuyến khích} + \text{Điểm kiểm tra đo nghiệm}$

Điểm xét tuyển sẽ lấy điểm từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu.

#### 3.5 Lưu ý:

- Học sinh học hệ Cambridge tại các trường tiểu học trên thành phố Hà Nội được tuyển thẳng vào vòng 2 (Không phải qua vòng 1 xét hồ sơ)

- Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của UBND Quận, Hiệu trưởng trường THCS Chu Văn An và Nguyễn Gia Thiều xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 của đơn vị mình đảm bảo thời gian hoàn thành việc thu hồ sơ dự tuyển chậm nhất 14/6/2023.

#### 4. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của HS, cha mẹ HS trước khi làm thủ tục nhập học cho HS; tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở GDĐT và không tuyển quá chỉ tiêu được giao.

\* **Chú ý:** Các trường chất lượng cao và ngoài công lập xây dựng kế hoạch tuyển sinh hợp lý theo đúng quy định, trình UBND Quận (qua phòng GDĐT) để phê duyệt chậm nhất ngày 25/5/2023.

#### Tuyệt đối không được tuyển sinh sớm tuổi

#### II. Tuyển sinh đối với phân tuyển (các trường công lập)

##### \* Cấp mầm non

**1. Phương thức và đối tượng:** Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND Quận quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến

##### **2. Độ tuổi dự tuyển:**

- Các trường MN công lập tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi từ 12-72 tháng tuổi trong khu vực tuyển sinh theo thứ tự ưu tiên trẻ từ 5 tuổi trở xuống, trẻ

thuộc tuyển tuyển sinh được giao. Thực hiện công khai chỉ tiêu, độ tuổi tuyển sinh của nhà trường trong năm học.

- Số trẻ trong một lớp thực hiện theo điều 15 Điều lệ trường mầm non. Trường hợp nếu số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại điều 15, số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo tỷ lệ số giáo viên/trẻ/lớp theo quy định tại điều này và diện tích tối thiểu đạt  $1,5m^2$  /trẻ.

### 3. Hồ sơ

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; In phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

***Các trường mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy chương trình lớp 1 cho trẻ.***

### 4. Thời gian tuyển sinh

- Cấp mã số HS: Các trường MN hoàn thành việc cấp mã số tuyển sinh cho HS 5 tuổi đang học tại trường năm học 2022-2023 (Kèm mật khẩu) cho CMHS trước ngày 20/5/2023.

a) Tuyển sinh trực tuyến (Mầm non 5 tuổi): tuyển sinh từ ngày 04/7/2023 đến hết 06/7/2023.

b) Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 13/7/2023 đến 18/7/2023: các trường mầm non nhận học sinh đúng tuyển theo qui định.

### 5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh: (Phụ lục 1a đính kèm)

#### \* Cấp Tiểu học và THCS (lớp 1 và lớp 6)

**1. Phương thức và đối tượng:** Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND Quận quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

#### 2. Đối với lớp 1

- Độ tuổi: Học sinh lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2017); trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi (**tuyệt đối không được tuyển sinh sớm tuổi**).

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; In phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Hồ sơ: Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

#### 3. Đối với lớp 6

- Độ tuổi: HS vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2012), đã hoàn thành chương trình tiểu học.



- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc HS được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng, căn cứ vào năm hoàn thành chương trình tiểu học.

+ HS là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, HS ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.

- Hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; In phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

+ Bản chính học bạ tiểu học có xác nhận đã hoàn thành chương trình tiểu học hoặc hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

+ Quyết định cho phép học vượt lớp, được vào tiểu học ở độ tuổi cao hơn độ tuổi quy định (nếu có).

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

#### **4. Thời gian tuyển sinh**

a) Tuyển sinh trực tuyến:

- Lớp 1 tuyển sinh: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023.

- Lớp 6 tuyển sinh: Từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023.

b) Tuyển sinh trực tiếp:

Từ ngày 13/7/2023 đến 18/7/2023: các trường TH, THCS tuyển sinh trực tiếp theo đúng tuyển theo qui định.

- Cấp mã số HS:

+ Các trường TH, THCS hoàn thành việc cấp mã số tuyển sinh (Kèm mặt khẩu) cho CMHS trước ngày 20/5/2023.

+ Trường Tiểu học cấp mã cho HS lớp 5 đang học tại trường năm học 2022-2023

+ Trường THCS cấp mã cho HS lớp 9 đang học tại trường năm học 2022-2023.

#### **5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (Phụ lục 1b, 1c đính kèm)**

### **III. Lưu ý:**

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha mẹ HS có thể đến đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký TS trực tuyến thành công đến 17h00 ngày 18/7/2023.

- Các trường công lập tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định.

- Các trường ngoài công lập tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, bắt đầu từ ngày 26/5/2023 đến hết ngày 12/7/2023. Đối với trường THCS ngoài công lập thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp với kiểm tra đánh giá năng lực hoàn thành chậm nhất ngày 30/6/2023.

- Sau ngày 18/7/2023, những trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao báo cáo bằng văn bản về phòng GD&ĐT; căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, UBND Quận cho phép trường được tuyển sinh bổ sung HS cho đủ chỉ tiêu từ ngày 21/7/2023 đến hết ngày 22/7/2023; riêng đối với các trường MN được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao.

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu 2 đính kèm công văn này) các HS dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin nơi cư trú, chủ động phối hợp với Công an phường để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của HS liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định)

- Các trường cập nhật danh sách HS trúng tuyển vào phần mềm sổ điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2023.

- Căn cứ diễn biến của dịch Covid-19 trên địa bàn, trong trường hợp đến thời điểm tổ chức tuyển sinh vào các trường MN, lớp 1, lớp 6, Hội đồng tuyển sinh của các trường cần phải thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid -2019 theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Sở GD&ĐT, Quận.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các phường với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non; lớp 1, lớp 6.

- Kiểm tra về công tác tuyển sinh:

+ Tham mưu UBND Quận xử lý nghiêm những sai phạm theo trách nhiệm của người đứng đầu của các nhà trường và xử phạt hành chính theo Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 và Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 04/2021/NĐ-CP

+ Kiểm tra chéo việc nhập dữ liệu vào phần mềm CSDL các trường MN, TH, THCS.

+ Kiểm tra dữ liệu của các nhà trường trước khi bàn giao mã học sinh cho cha mẹ học sinh.

- Tham mưu UBND Quận xây dựng kế hoạch tuyển sinh và nộp Sở GD&ĐT theo yêu cầu



- Tham mưu UBND Quận thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh năm học 2023-2024; Hội đồng tuyển sinh của trường THCS CLC Chu Văn An; THCS Nguyễn Gia Thiều theo mô hình trường CLC; cử CBCV phòng GDĐT tham gia Hội đồng xét tuyển, trình UBND Quận phê duyệt danh sách trúng tuyển.

- Triển khai kế hoạch tuyển sinh, tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh tới Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS trên địa bàn. Kiểm tra và quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh, đảm bảo số HS/lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn Quốc gia. Tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng quá tải và lãng phí CSVC ở một số trường.

- Chỉ đạo các trường cấp mã số cho HS, hướng dẫn CMHS truy cập vào trang sổ liên lạc điện tử để theo dõi, kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả học tập, kết quả tuyển sinh của HS theo đúng quy định.

- Phối hợp với UBND các phường công bố công khai việc phân tuyển tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh các quy định về hồ sơ độ tuổi tại các trường MN, TH, THCS trên địa bàn trước khi bắt đầu tuyển sinh 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị hồ sơ nhập học cho HS tại các trường.

- Trường phòng GDĐT ký các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các nhà trường và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của các Nhà trường.

- Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học và không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 6.

- Chuẩn bị các điều kiện về nhân sự và CSVC để từng bước triển khai tuyển sinh trực tuyến vào các trường MN, lớp 1 và lớp 6.

- Công tác tuyển sinh là một tiêu chí đánh giá xếp loại thi đua các trường.

## **2. Công an Quận**

Chỉ đạo công an các phường thực hiện nghiêm túc việc ký giấy xác nhận HS cư trú trên địa bàn.

Báo cáo UBND Quận khi có thay đổi về nơi ở, nơi cư trú của nhân dân trên địa bàn (qua PGD cơ quan thường trực).

Chỉ đạo Công an các Phường đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong thời gian tuyển sinh từ ngày 01/7/2023 đến 18/7/2023

## **3. UBND các Phường**

- Phối hợp với các nhà trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh, cài đặt dữ liệu trên phần mềm tuyển sinh trực tuyến và hỗ trợ công tác nhập hồ sơ tuyển sinh trực tuyến.

- Niêm yết các văn bản về công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 tại bảng thông báo.



- Tuyên truyền tới nhân dân trên địa bàn qua hệ thống loa truyền thanh về việc cần cài đặt phần mềm định danh điện tử VneID mức 2 và điều chỉnh phân tuyến tuyển sinh để giảm sĩ số HS/lớp đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông 2018.

- Giám sát công tác tuyển sinh của các trường trên địa bàn phường.

**4. Điện lực Long Biên:** Đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho công tác tuyển sinh từ ngày 01/7/2023 đến 18/7/2023.

#### **5. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS**

- Chủ động phối hợp với UBND các phường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công, xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 của trường trình phòng GDĐT phê duyệt.

- Tuyên truyền và hướng dẫn cho CBGVNV, HS và cha mẹ HS về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VneID mức 2

- Hướng dẫn cha mẹ hoặc người giám hộ của HS tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của HS (gồm số định danh cá nhân của HS, nơi thường trú, nơi ở hiện tại....

- Các trường thành lập Hội đồng tuyển sinh trình Trưởng phòng GDĐT đề ra Quyết định thành lập; thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

- Thực hiện nghiêm túc việc nhập dữ liệu vào phần mềm CSDL và cấp mã học sinh cho cha mẹ học sinh.

- Tổ chức cấp mã số cho HS, hướng dẫn CMHS truy cập vào trang số liên lạc điện tử để theo dõi, kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả học tập, kết quả tuyển sinh của HS theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật mã HS, bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của HS, CMHS về mã HS, số liên lạc điện tử và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định

- Triển khai phổ biến, nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, kế hoạch tuyển sinh của Sở GD&ĐT, UBND Quận và phòng GD&ĐT trong Hội đồng giáo dục.

- Đăng tải kế hoạch tuyển sinh chính thức của Sở GD&ĐT Hà Nội, UBND Quận và nhà trường lên cổng TTĐT nhà trường; niêm yết các văn bản về công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 tại bảng thông báo để cha mẹ học sinh được biết.

- Thông báo công khai tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh theo kế hoạch của UBND Quận.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến.

- Lãnh đạo nhà trường phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên trực trong



thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho HS và cha mẹ HS.

- Tổ chức tuyển sinh:

+ Khi tiếp nhận hồ sơ của HS cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân HS như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân...trong giấy khai sinh, học bạ (đối với lớp 6). Nếu thấy trùng khớp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao giấy khai sinh: ký và ghi rõ họ tên - Đã kiểm tra khớp với bản chính khai sinh và dữ liệu định danh điện tử VNeid; Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

+ Không được tuyển sinh vượt chỉ tiêu được giao kể cả HS đúng tuyển, khi có hiện tượng bất thường phải báo cáo về PGDDĐT xin ý kiến giải quyết; các trường hợp trái tuyển phải báo cáo và được lãnh đạo UBND Quận phê duyệt. UBND Quận kiên quyết xử lý nghiêm những sai phạm về việc tuyển sinh sinh quá chỉ tiêu được giao, phân bổ sĩ số HS trong một lớp vượt quá quy định theo trách nhiệm của người đứng đầu của các nhà trường và xử phạt hành chính theo Nghị định 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ và Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 04/2021/NĐ-CP.

+ Xây dựng phương án tuyển diện DT3 theo thứ tự ưu tiên nếu còn chỉ tiêu (trong Kế hoạch tuyển sinh).

+ Tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ HS đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường trong thời gian tuyển sinh.

- Thực hiện nghiêm túc quy định: Ba công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDDĐT ngày 28/12/2017 và Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 về Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 04/2021/NĐ-CP

- Bảo mật thông tin cá nhân của các HS dự tuyển năm học 2023-2024 và thông tin các HS khác của nhà trường theo đúng quy định.

- Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển và đối chiếu với danh sách HS in từ phần mềm dữ liệu dân cư, báo cáo kết quả tuyển sinh về phòng GDĐT.

- Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm toàn bộ công tác tuyển sinh trước các cấp quản lý.

## **6. Các trường chất lượng cao và trường THCS theo mô hình trường CLC Nguyễn Gia Thiều**

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án chất lượng cao năm học 2023-2024, kế hoạch tuyển sinh, chương trình nhà trường, phương án thu chi năm học 2023-

2024 trình UBND Quận phê duyệt trước ngày 21/5/2023 và thực hiện công khai các nội dung này trên cổng thông tin điện tử và bảng tin của nhà trường tới CBGVNV nhà trường và CMHS trước khi thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định.

Các trường Tiểu học CLC, trường CLC THCS và mô hình CLC hoàn thành công tác tuyển sinh trước ngày 02/7/2023.

#### **D. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN (theo phụ lục đính kèm)**

- Ngày 17/5/2023: Phòng GD&ĐT nộp kế hoạch tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh về Sở GD&ĐT.

- Ngày 19/7/2023: Các trường nộp báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh, đề xuất tuyển sinh bổ sung (nếu còn chỉ tiêu).

- Ngày 31/7/2023 Nộp Báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn quận Long Biên năm học 2023-2024. UBND quận Long Biên yêu cầu phòng GD&ĐT, UBND các Phường, Hiệu trưởng các nhà trường và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, các đơn vị báo cáo UBND Quận (qua phòng GD&ĐT – cơ quan thường trực) để kịp thời giải quyết. /.

Nơi nhận: *24*

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thường trực QU-UBND Quận; để báo cáo
- Phòng GD&ĐT;
- UBND các phường;
- Các trường MN, TH, THCS trong Quận;
- Lưu VT, GD&ĐT. (06b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Thị Thu Hương**



**LỊCH CÔNG TÁC TUYỂN SINH**

(Kèm theo Kế hoạch số **245** /KH-UBND ngày **16** tháng **5** năm 2023  
của UBND quận Long Biên)

| Thời gian                       | Đơn vị thực hiện                                       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày 28/4/2023                  | Phường, các trường                                     | Nộp báo cáo số liệu điều tra trẻ trong độ tuổi tuyển sinh về PGD                                                                                                                                                                               |
| Từ ngày 01/5/2023               | Phòng GD&ĐT                                            | Kiểm tra xác suất dữ liệu HS phục vụ tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024.                                                                                                                                                            |
| Trước ngày 09/5/2023            |                                                        | PGD báo cáo UBND Quận về dự thảo KH tuyển sinh                                                                                                                                                                                                 |
| 10/5/2023                       |                                                        | Gửi dự thảo kế hoạch tuyển sinh về các nhà trường và UBND Phường                                                                                                                                                                               |
| 13/5/2023                       |                                                        | Báo cáo UBND Quận Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024                                                                                                                                                                                        |
| 17/5/2023                       |                                                        | Nộp kế hoạch tuyển sinh về Sở GD&ĐT                                                                                                                                                                                                            |
| Ngày 18/5/2023                  | Phòng GD&ĐT,<br>UBND Phường<br>Các trường MN, TH, THCS | - Đăng tải trên cổng TT&ĐT của Phòng và các nhà trường kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 của Quận<br>- Tuyên truyền tại các phường qua hệ thống phát thanh phường, tổ dân phố và các trường kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 của Quận |
| Trước 25/5/2023                 | Các trường chất lượng cao và ngoài công lập            | Nộp Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường cho Phòng GD&ĐT để trình UBND Quận phê duyệt                                                                                                                                                            |
| Xong trước ngày 20/5/2023       | Các trường MN, TH, THCS                                | Hoàn thành cấp mã số và hướng dẫn đăng ký tuyển sinh trực tuyến cho CMHS và HS.                                                                                                                                                                |
| Từ ngày 05/6- >8/6/2023         | Các trường                                             | Duyệt kế hoạch tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của các nhà trường tại Phòng GD.                                                                                                                                                             |
| Từ ngày 04/6- >01/7/2023        | Các trường TH, THCS CLC và mô hình CLC                 | Thực hiện công tác tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                  |
| Ngày 10/6/2023                  | Các trường                                             | - Công khai kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.<br>- Tuyên truyền tại các phường qua hệ thống phát thanh phường, tổ dân phố                                                                  |
| Từ ngày 26/5/2023 đến 12/7/2023 | Trường ngoài công lập                                  | Tổ chức tuyển sinh và hoàn thành cập nhật dữ liệu HS trên hệ thống.                                                                                                                                                                            |
| 10/6-12/6/2023                  | Phòng GD&ĐT, các trường MN, TH, THCS và CMHS           | Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (lần 1).                                                                                                                                                                                       |
| Trước 15/6/2023                 | Phòng GD&ĐT                                            | Hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trong phần mềm tuyển sinh trực tuyến.                                                                                                                                                      |
| 16/6-18/6/2023                  | Phòng GD&ĐT,                                           | Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố                                                                                                                                                                                                |

|                                       |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       | các trường<br>MN, TH, THCS<br>và CMHS     | (lần 2).                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Trước 02/7/2023                       | Trường CLC và<br>THCS<br>Nguyễn Gia Thiều | Hoàn thành công tác tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Từ 01/7-<br>09/7/2023                 | Các trường<br>MN, TH, THCS<br>và CMHS     | Tuyển sinh trực tuyến đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến:<br>- Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023;<br>- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;<br>- Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023. |
| Từ ngày<br>13/7/2023 đến<br>18/7/2023 | Các trường<br>MN, TH, THCS                | Tuyển sinh trực tiếp vào trường Mầm non, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh theo tuyến.<br>Phối hợp với công an phường hoàn thành việc xác minh thông tin cư trú của HS cần xác minh                                                                                                       |
| 19/7/2023                             | Các trường<br>MN, TH, THCS                | Báo cáo về Phòng GD kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung (nếu chưa tuyển đủ chỉ tiêu)                                                                                                                                                                                                    |
| Từ ngày<br>21/7/2023 đến<br>22/7/2023 | Các trường<br>MN, TH, THCS                | Tuyển bổ sung (nếu chưa tuyển đủ chỉ tiêu)                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 23/7/2023                             | Các trường<br>MN, TH, THCS                | Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử                                                                                                                                                                                                                                |
| 27/7/2023                             | Các trường<br>MN, TH, THCS                | Nộp về Phòng GD:<br>- Danh sách HS trúng tuyển vào trường (In ra từ phần mềm)<br>- Báo cáo về công tác tuyển sinh.                                                                                                                                                                                 |
| 31/7/2023                             | Phòng GD&ĐT                               | Nộp báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh cho Sở GD&ĐT                                                                                                                                                                                                                                         |



(Phụ lục 1a)

| Loại hình | TT | Tên trường      | Số HS qua điều tra trên địa bàn |              |              |              |                         | Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023 |           |           |           |               | Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024 |                     |                     |                     |                            | Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)                                          |
|-----------|----|-----------------|---------------------------------|--------------|--------------|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|---------------|--------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |    |                 | Số HS trong độ tuổi nhà trẻ     | Số HS 3 tuổi | Số HS 4 tuổi | Số HS 5 tuổi | Tổng số HS qua điều tra | Nhà trẻ                                          | MG 3 tuổi | MG 4 tuổi | MG 5 tuổi | Tổng cộng     | Số HS vào nhà trẻ                    | Số HS vào MG 3 tuổi | Số HS vào MG 4 tuổi | Số HS vào MG 5 tuổi | Tổng số chỉ tiêu tuyển mới |                                                                                                |
| 1         | 2  | 3               | 4                               | 5            | 6            | 7            | 8=4+5+6+7               | 9                                                | 10        | 11        | 12        | 13=9+10+11+12 | 14                                   | 15                  | 16                  | 17                  | 18=14+15+16+17             | 19                                                                                             |
| Công lập  | 1  | MN Ánh Sao      | 224                             | 195          | 228          | 243          | 890                     | 109                                              | 139       | 146       | 158       | 552           | 80                                   | 35                  | 15                  | 9                   | 139                        | Tổ 18, 19,20,21,22,24,26, chung cư công an tổ 22 thuộc phường Thượng Thanh.                    |
|           | 2  | MN Thượng Thanh | 214                             | 197          | 194          | 196          | 801                     | 52                                               | 73        | 99        | 105       | 329           | 50                                   | 10                  | 10                  | 6                   | 76                         | Tổ 11, 13 phường Thượng Thanh, tổ 18,19,20 phường Đức Giang                                    |
|           | 3  | MN Gia Quất     | 198                             | 194          | 198          | 184          | 774                     | 65                                               | 114       | 139       | 164       | 482           | 40                                   | 23                  | 30                  | 5                   | 98                         | Tổ 1, 3, 4, chung cư Rice city thuộc Phường Thượng Thanh; Tổ 10 P. Ngọc Lâm                    |
|           | 4  | MN Năng Mai     | 173                             | 201          | 182          | 187          | 743                     | 161                                              | 132       | 87        | 70        | 450           | 40                                   | 90                  | 15                  | 38                  | 183                        | Tổ 18, 29, 30 phường Thượng Thanh; Tổ 22 P. Đức Giang                                          |
|           | 5  | MN Hoa Mộc Lan  | 185                             | 182          | 189          | 182          | 738                     | 75                                               | 90        | 70        | 75        | 310           | 95                                   | 40                  | 25                  | 55                  | 215                        | Tổ 6, tổ 8, chung cư Homeland phường Thượng Thanh; Tổ 1 phường Đức Giang; Tổ 6 phường Gia Thụy |
|           | 6  | MN Ngọc Thụy    | 236                             | 187          | 199          | 179          | 801                     | 115                                              | 137       | 145       | 153       | 550           | 85                                   | 40                  | 10                  | 6                   | 141                        | Tổ số 4,6,7,11,13,14,16,22,23,25,27 Phường Ngọc Thụy                                           |
|           | 7  | MN Bắc Cầu      | 186                             | 188          | 176          | 135          | 685                     | 86                                               | 70        | 65        | 47        | 268           | 60                                   | 15                  | 10                  | 5                   | 90                         | Tổ số 34,35,36,38 phường Ngọc Thụy                                                             |
|           | 8  | MN Gia Thượng   | 221                             | 217          | 193          | 196          | 827                     | 70                                               | 139       | 178       | 233       | 620           | 65                                   | 107                 | 50                  | 18                  | 240                        | Tổ số 17,18,19,20,28,29,31,32 Phường Ngọc Thụy                                                 |
|           | 9  | MN Bắc Biên     | 203                             | 204          | 221          | 179          | 807                     | 37                                               | 149       | 109       | 112       | 407           | 60                                   | 45                  | 25                  | 5                   | 135                        | Tổ dân phố số: 01, 08, 10 phường Ngọc Thụy                                                     |
|           | 10 | MN Nguyệt Quế   | 199                             | 183          | 192          | 164          | 738                     |                                                  |           |           |           | 0             | 110                                  | 120                 | 55                  | 25                  | 310                        | Toàn quận                                                                                      |
|           | 11 | MN Thạch Bàn    | 234                             | 205          | 237          | 201          | 877                     | 87                                               | 129       | 172       | 214       | 602           | 105                                  | 42                  | 25                  | 7                   | 179                        | Tổ 11,12,13,14,15,16 và một phần tổ 10 dãy nhà số chẵn Phường Thạch bàn                        |
|           | 12 | MN Hoa Mai      | 243                             | 204          | 211          | 195          | 853                     | 60                                               | 106       | 158       | 166       | 490           | 80                                   | 45                  | 34                  | 5                   | 164                        | Tổ 1,3,4,5,6,7 phường Thạch Bàn                                                                |
|           | 13 | MN Hoa Anh Đào  | 218                             | 187          | 211          | 203          | 819                     | 78                                               | 162       | 178       | 184       | 602           | 45                                   | 60                  | 20                  | 16                  | 141                        | Tổ 5,6,7,8,9,10,17 phường Thạch Bàn                                                            |
|           | 14 | MN ĐT Sài Đồng  | 224                             | 186          | 213          | 168          | 791                     | 42                                               | 84        | 78        | 83        | 287           | 95                                   | 65                  | 33                  | 5                   | 198                        | Toàn quận                                                                                      |



|          |               |                     |      |      |      |      |       |      |      |      |      |       |      |      |     |     |      |                                                                                                          |
|----------|---------------|---------------------|------|------|------|------|-------|------|------|------|------|-------|------|------|-----|-----|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | 15            | MN Hoa Sữa          | 328  | 215  | 205  | 219  | 967   | 65   | 134  | 155  | 173  | 527   | 70   | 83   | 25  | 8   | 186  | Tổ 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 22 phường Sài Đồng và tổ 12, 13, 14 phường Phúc Lợi               |
|          | 16            | MN Hoa Trạng Nguyên | 187  | 292  | 185  | 178  | 842   | 14   | 28   | 42   | 58   | 142   | 90   | 140  | 80  | 25  | 335  | Tổ 1, 2, 5, 7, 8, 15 phường Sài Đồng; tổ 15, 16 phường Việt Hưng và Tòa nhà chung cư Le Jadine Phúc Đồng |
|          | 17            | MN Phúc Lợi         | 209  | 185  | 187  | 158  | 739   | 69   | 108  | 125  | 152  | 454   | 75   | 43   | 21  | 14  | 153  | Tổ 8,9,10,11,16 phường Phúc Lợi                                                                          |
|          | 18            | MN Tuổi Hoa         | 199  | 177  | 178  | 165  | 719   | 74   | 116  | 145  | 167  | 502   | 60   | 36   | 16  | 8   | 120  | Tổ 4,5,6,7, 15 phường Phúc Lợi                                                                           |
|          | 19            | MN Ban Mai Xanh     | 172  | 151  | 178  | 158  | 659   | 66   | 57   | 33   | 5    | 161   | 90   | 129  | 60  | 20  | 299  | Tổ 1, 2, 3 phường Phúc Lợi, chung cư Symphony                                                            |
|          | 20            | MN Giang Biên       | 217  | 215  | 206  | 198  | 836   | 139  | 123  | 137  | 148  | 547   | 108  | 11   | 25  | 15  | 159  | Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 13 phường Giang Biên                                                      |
|          | 21            | MN DT Việt Hưng     | 185  | 214  | 215  | 197  | 811   | 86   | 97   | 100  | 82   | 365   | 22   | 26   | 14  | 5   | 67   | Toàn quận                                                                                                |
|          | 22            | MN Trảng An         | 191  | 193  | 193  | 195  | 772   | 116  | 201  | 209  | 189  | 715   | 45   | 38   | 16  | 5   | 104  | Tổ 9 đến tổ 20 phường Giang Biên, Chung cư CT15, Chung cư Grennpark                                      |
|          | 23            | MN Việt Hưng        | 197  | 189  | 199  | 190  | 775   | 57   | 94   | 67   | 84   | 302   | 80   | 46   | 30  | 10  | 166  | Tổ 1, 2, 3, 11 phường Việt Hưng; Tổ 5B phường Đức Giang                                                  |
|          | 24            | MN Hoa Thủy Tiên    | 188  | 201  | 215  | 194  | 798   | 69   | 155  | 166  | 162  | 552   | 40   | 70   | 50  | 9   | 169  | Tổ 6, 8, 9 Việt Hưng                                                                                     |
|          | 25            | MN Hoa Hướng        | 185  | 204  | 206  | 191  | 786   | 78   | 124  | 118  | 118  | 438   | 98   | 62   | 20  | 8   | 188  | Tổ 4, 5,7,14 phường Việt Hưng                                                                            |
|          | 26            | MN Cự Khối          | 182  | 195  | 192  | 156  | 725   | 60   | 110  | 135  | 120  | 425   | 65   | 30   | 15  | 3   | 113  | Một phần tổ 3, tổ 5, 11, 12 phường Cự Khối                                                               |
|          | 27            | MN Hoa Phượng       | 164  | 185  | 168  | 176  | 693   | 53   | 81   | 57   | 63   | 254   | 71   | 50   | 15  | 3   | 139  | Tổ 1, một phần tổ 3, tổ 4, tổ 10 phường Cự Khối                                                          |
|          | 28            | MN Gia Thụy         | 195  | 208  | 204  | 192  | 799   | 90   | 136  | 110  | 115  | 451   | 60   | 30   | 15  | 5   | 110  | Tổ dân phố số 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 phường Gia Thụy                                                 |
|          | 29            | MN Chim Én          | 213  | 215  | 217  | 195  | 840   | 65   | 89   | 206  | 182  | 542   | 50   | 45   | 35  | 5   | 135  | Tổ dân phố 1, 2, 5, 6 phường Gia Thụy; Một phần tổ 7, tổ 8, 9 phường Ngọc Lâm                            |
|          | 30            | MN Bồ Đề            | 189  | 214  | 235  | 209  | 847   | 99   | 127  | 162  | 132  | 520   | 80   | 40   | 12  | 5   | 137  | Tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, 5, 12, 13, 14, 15, 16, 24, 25 phường Bồ Đề                                     |
|          | 31            | MN Hồng Tiến        | 193  | 208  | 204  | 195  | 800   | 87   | 166  | 166  | 211  | 630   | 60   | 45   | 10  | 25  | 140  | Tổ dân phố 6, 7, 8, 10, 11, 18, 19, 20, 21, 22, 23 phường Bồ Đề                                          |
|          | 32            | MN Hoa Sen          | 185  | 194  | 189  | 188  | 756   | 20   | 98   | 99   | 126  | 343   | 40   | 48   | 30  | 5   | 123  | Tổ 21, 26, 27 phường Đức Giang                                                                           |
|          | 33            | MN Đức Giang        | 193  | 231  | 276  | 225  | 925   | 101  | 110  | 135  | 141  | 487   | 50   | 50   | 24  | 20  | 144  | Tổ 3, 5, 6, 7, 9, 10, 12, 14, 15, 16, 17b, 18 phường Đức Giang                                           |
|          | 34            | MN Thạch Cầu        | 188  | 183  | 184  | 189  | 744   | 74   | 91   | 87   | 112  | 364   | 65   | 38   | 20  | 10  | 133  | Tổ 01, 02 Phường Long Biên                                                                               |
|          | 35            | MN Long Biên        | 189  | 183  | 221  | 193  | 786   | 73   | 113  | 121  | 135  | 442   | 75   | 65   | 30  | 15  | 185  | Tổ 12, 14, 16, 19, 20, 22, 23 Phường Long Biên                                                           |
|          | 36            | MN Long Biên A      | 197  | 185  | 197  | 194  | 773   | 64   | 105  | 108  | 128  | 405   | 72   | 38   | 24  | 11  | 145  | Tổ 5, 7, 9 Phường Long Biên                                                                              |
|          | 37            | MN Sơn Ca           | 260  | 244  | 215  | 217  | 936   | 97   | 94   | 115  | 126  | 432   | 50   | 35   | 22  | 7   | 114  | Từ tổ 1 đến tổ 13, tổ 27 và chung cư Mípec thuộc phường Ngọc Lâm                                         |
|          | 38            | Phúc Đồng           | 245  | 211  | 219  | 226  | 901   | 98   | 167  | 187  | 219  | 671   | 90   | 35   | 10  | 10  | 145  | Đồng                                                                                                     |
|          | 39            | MN Tân Mai          | 198  | 183  | 187  | 177  | 745   | 52   | 82   | 98   | 94   | 326   | 55   | 18   | 0   | 5   | 78   | Tổ 1, 2, 3 phường Phúc Đồng                                                                              |
|          | Tổng Công lập |                     | 8007 | 7805 | 7919 | 7387 | 31118 | 2903 | 4330 | 4707 | 5006 | 16946 | 2671 | 1988 | 976 | 461 | 6096 |                                                                                                          |
| Ngoài CL | 1             | Bình Minh           |      |      |      |      |       | 25   | 18   | 16   | 10   | 69    | 10   | 5    | 2   | 2   | 19   | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận                                                                   |



|    |                     |  |  |  |  |  |     |     |     |     |     |    |    |    |    |     |                                        |
|----|---------------------|--|--|--|--|--|-----|-----|-----|-----|-----|----|----|----|----|-----|----------------------------------------|
| 2  | Huệ Minh            |  |  |  |  |  | 8   | 6   | 11  | 4   | 29  | 2  | 5  | 5  | 2  | 14  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 3  | Cầu vồng xanh       |  |  |  |  |  | 28  | 15  | 10  | 9   | 62  | 15 | 5  | 2  | 0  | 22  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 4  | Thần Đồng           |  |  |  |  |  | 47  | 21  | 18  | 18  | 104 | 42 | 3  | 7  | 8  | 60  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 5  | Thời Đại Khai Sơn   |  |  |  |  |  | 0   | 0   | 0   | 0   | 0   | 35 | 40 | 15 | 5  | 95  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 6  | Ánh Dương           |  |  |  |  |  | 57  | 24  | 30  | 28  | 139 | 33 | 10 | 5  | 0  | 48  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 7  | Z133                |  |  |  |  |  | 73  | 42  | 52  | 53  | 220 | 30 | 15 | 5  | 5  | 55  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 8  | An An               |  |  |  |  |  | 44  | 30  | 18  | 17  | 109 | 15 | 5  | 5  | 5  | 30  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 9  | Maple Bear          |  |  |  |  |  | 16  | 9   | 9   | 6   | 40  | 12 | 6  | 6  | 6  | 30  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 10 | Hạt Dẻ Cười         |  |  |  |  |  | 101 | 85  | 55  | 61  | 302 | 60 | 4  | 5  | 3  | 72  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 11 | Sao Sáng            |  |  |  |  |  | 36  | 20  | 20  | 15  | 91  | 12 | 4  | 3  | 5  | 24  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 12 | X22                 |  |  |  |  |  | 26  | 31  | 35  | 35  | 127 | 20 | 25 | 10 | 7  | 62  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 13 | May 10              |  |  |  |  |  | 78  | 58  | 53  | 54  | 243 | 35 | 3  | 5  | 7  | 50  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 14 | Ong và Kiến         |  |  |  |  |  | 49  | 27  | 16  | 11  | 103 | 15 | 7  | 2  | 0  | 24  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 15 | Ban Mai             |  |  |  |  |  | 50  | 40  | 24  | 30  | 144 | 40 | 24 | 10 | 5  | 79  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 16 | Thiên đường trẻ thơ |  |  |  |  |  | 99  | 61  | 59  | 42  | 261 | 33 | 15 | 14 | 5  | 67  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 17 | Thánh Gióng         |  |  |  |  |  | 46  | 18  | 18  | 10  | 92  | 15 | 5  | 3  | 2  | 25  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 18 | Quả táo xanh        |  |  |  |  |  | 28  | 15  | 17  | 5   | 65  | 15 | 6  | 5  | 5  | 31  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 19 | Vinschool           |  |  |  |  |  | 120 | 125 | 100 | 119 | 464 | 81 | 15 | 17 | 12 | 125 | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 20 | Sao Việt            |  |  |  |  |  | 27  | 26  | 20  | 17  | 90  | 16 | 5  | 0  | 0  | 21  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 21 | Hoa Quỳnh           |  |  |  |  |  | 40  | 35  | 37  | 28  | 140 | 10 | 5  | 5  | 5  | 25  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 22 | Hà Nội Osaka        |  |  |  |  |  | 41  | 25  | 25  | 15  | 106 | 30 | 35 | 5  | 5  | 75  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 23 | Mặt trời bé con     |  |  |  |  |  | 13  | 17  | 18  | 20  | 68  | 15 | 2  | 3  | 2  | 22  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 24 | Ước mơ xanh         |  |  |  |  |  | 16  | 29  | 17  | 39  | 101 | 20 | 18 | 10 | 5  | 53  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 25 | Sao Kim Cương       |  |  |  |  |  | 30  | 16  | 10  | 5   | 61  | 15 | 5  | 5  | 2  | 27  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 26 | Hoa Thủy Tinh       |  |  |  |  |  | 42  | 39  | 22  | 24  | 127 | 25 | 10 | 10 | 5  | 50  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 27 | Hoa Anh Đào Nhỏ     |  |  |  |  |  | 36  | 18  | 16  | 27  | 97  | 32 | 26 | 10 | 5  | 73  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 28 | Sáng tạo            |  |  |  |  |  | 40  | 19  | 9   | 8   | 76  | 20 | 30 | 20 | 5  | 75  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 29 | Hoa Hồng            |  |  |  |  |  | 20  | 25  | 20  | 8   | 73  | 20 | 15 | 0  | 2  | 37  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 30 | Ben ben             |  |  |  |  |  | 44  | 40  | 30  | 48  | 162 | 24 | 12 | 8  | 5  | 49  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 31 | Sen Hồng            |  |  |  |  |  | 28  | 12  | 15  | 13  | 68  | 25 | 10 | 10 | 5  | 50  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 32 | Amon                |  |  |  |  |  | 67  | 28  | 19  | 21  | 135 | 34 | 5  | 10 | 2  | 51  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 33 | Thăng Long Kidsmart |  |  |  |  |  | 77  | 87  | 80  | 79  | 323 | 70 | 50 | 10 | 5  | 135 | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 34 | Lâu đài xanh        |  |  |  |  |  | 45  | 42  | 30  | 28  | 145 | 10 | 5  | 5  | 5  | 25  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 35 | Diêm                |  |  |  |  |  | 8   | 16  | 14  | 17  | 55  | 15 | 24 | 15 | 5  | 59  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 36 | Xăng Dầu            |  |  |  |  |  | 15  | 22  | 28  | 25  | 90  | 15 | 5  | 5  | 2  | 27  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
| 37 | Bi Bi               |  |  |  |  |  | 36  | 35  | 43  | 50  | 164 | 14 | 15 | 10 | 5  | 44  | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |

16/12

|  |    |                         |             |             |             |             |              |             |             |             |             |              |             |             |             |            |             |                                        |
|--|----|-------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|-------------|-------------|-------------|------------|-------------|----------------------------------------|
|  | 38 | Thế hệ vàng             |             |             |             |             |              | 30          | 83          | 50          | 37          | 200          | 25          | 10          | 10          | 3          | 48          | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 39 | Thảo Linh               |             |             |             |             |              | 30          | 18          | 16          | 15          | 79           | 20          | 13          | 3           | 2          | 38          | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 40 | Xe Lửa                  |             |             |             |             |              | 12          | 12          | 12          | 17          | 53           | 25          | 15          | 10          | 5          | 55          | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 41 | Ngôi sao xanh           |             |             |             |             |              | 59          | 32          | 44          | 37          | 172          | 25          | 20          | 10          | 5          | 60          | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 42 | Harmony                 |             |             |             |             |              | 47          | 103         | 78          | 174         | 402          | 45          | 50          | 40          | 35         | 170         | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 43 | Harmony 2               |             |             |             |             |              | 46          | 102         | 133         | 129         | 410          | 45          | 40          | 10          | 25         | 120         | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  | 44 | Nhóm lớp độc lập        |             |             |             |             |              | 1122        | 705         | 621         | 334         | 2782         | 675         | 136         | 52          | 10         | 873         | Tuyển theo nhu cầu PHHS trên toàn quận |
|  |    | <b>Tổng Ngoài CL</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>     | <b>2902</b> | <b>2231</b> | <b>1968</b> | <b>1742</b> | <b>8843</b>  | <b>1790</b> | <b>763</b>  | <b>402</b>  | <b>239</b> | <b>3194</b> |                                        |
|  |    |                         |             |             |             |             |              |             |             |             |             |              |             |             |             |            |             |                                        |
|  |    | <b>Tổng Quận, Huyện</b> | <b>8007</b> | <b>7805</b> | <b>7919</b> | <b>7387</b> | <b>31118</b> | <b>5805</b> | <b>6561</b> | <b>6675</b> | <b>6748</b> | <b>25789</b> | <b>4461</b> | <b>2751</b> | <b>1378</b> | <b>700</b> | <b>9290</b> |                                        |

*Handwritten signature*



(Phụ lục 1b)

| Loại hình | TT | Tên trường   | Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn | Chỉ tiêu |       | Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)                                                                                                 | Ghi chú                               | Số HS/Lớp |
|-----------|----|--------------|--------------------------------------------------|----------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|
|           |    |              |                                                  | Số lớp   | Số HS |                                                                                                                                                       |                                       |           |
| 1         | 2  | 3            | 4                                                | 5        | 6     | 7                                                                                                                                                     | 8                                     | 9         |
|           | 1  | Ái Mộ A      | 147                                              | 4        | 150   | Tổ dân phố số 1,2,3,4,13,15 (chung cư Mipec) phường Ngọc Lâm                                                                                          |                                       | 37.5      |
|           | 2  | Ái Mộ B      | 250                                              | 6        | 240   | Tổ dân phố số 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 27 phường Ngọc Lâm                                                                                         |                                       | 40        |
|           | 3  | Ngọc Lâm     | 300                                              | 7        | 280   | Tổ dân phố 3,7,8,9,10,18,19,20,21,22,23, 28, 29, chung cư Beriver, Chung cư 319 Bộ quốc phòng, Chung cư Priver                                        | Tuyển DT1, DT2                        | 40        |
|           | 4  | Bồ Đề        | 250                                              | 6        | 237   | Tổ dân phố số 01, 02, 04, 05, 06, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 24, 25, Chung cư HC Golden City và khu liên kề gần chung cư HC Golden City của phường Bồ Đề | Tuyển DT3 thuộc tuyển của TH Ngọc Lâm | 39.5      |
|           | 5  | Gia Thụy     | 255                                              | 7        | 261   | Phường Gia Thụy                                                                                                                                       | Tuyển DT1, DT2                        | 37.3      |
|           | 6  | Gia Quất     | 241                                              | 6        | 220   | Tổ dân phố số 1, tổ 3 (chung cư Rice City), tổ 4, tổ 5 (chung cư Home Land), tổ 6 phường Thượng Thanh.                                                | Tuyển DT3 thuộc phường Gia Thụy       | 36.7      |
|           | 7  | Thanh Am     | 210                                              | 6        | 210   | Tổ dân phố 19, 20, 21, 22, 24, 26 Phường Thượng Thanh; Tổ 9 Phường Đức Giang; CC An Quý Hưng ;                                                        |                                       | 35        |
|           | 8  | Thượng Thanh | 205                                              | 6        | 205   | Tổ dân phố số 8,11,13,29,30 phường Thượng Thanh và Tổ 1 phường Đức Giang                                                                              |                                       | 34.2      |
|           | 9  | Cự Khối      | 195                                              | 5        | 195   | Phường Cự Khối                                                                                                                                        |                                       | 39        |
|           | 10 | Long Biên    | 355                                              | 8        | 320   | Tổ dân phố số 1, 2, 5, 7, 9, 12, 14, 23 phường Long Biên                                                                                              |                                       | 40        |

Công lập

|    |                |     |   |     |                                                                                               |                                       |      |
|----|----------------|-----|---|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|
| 11 | Thạch Bàn A    | 240 | 6 | 240 | Tổ dân phố 8,9,10,12,14,15 phường Thạch Bàn ; Đối tượng 3: tổ 5,6,17 phường Thạch Bàn         |                                       | 40   |
| 12 | Thạch Bàn B    | 280 | 7 | 280 | Tổ dân phố số 1,3,4, 7,11,13,16 phường Thạch Bàn                                              |                                       | 40   |
| 13 | Đoàn Kết       | 326 | 7 | 280 | Tổ dân phố 5,6, 17 phường Thạch Bàn, tổ 16, 19, 20, 22 phường Long Biên                       |                                       | 40   |
| 14 | Đoàn Khuê      | 210 | 6 | 210 | Tổ dân phố số 4,5,7,14 Việt Hưng. Tổ 10 Giang Biên                                            |                                       | 35   |
| 15 | Việt Hưng      | 210 | 6 | 210 | Tổ dân phố số 1, 2,3,6,8,9,11 phường Việt Hưng. Tổ 5 Đức Giang                                |                                       | 35   |
| 16 | Đức Giang      | 229 | 6 | 237 | Tổ dân phố số 3, 18, 19, 20, 21, 22, 26, 27 phường Đức Giang;<br>Tổ 18 phường Thượng Thanh    |                                       | 39.5 |
| 17 | Ngô Gia Tự     | 202 | 5 | 202 | Tổ dân phố 6,7, 10,12,14,15,16,17 phường Đức Giang.                                           |                                       | 40.4 |
| 18 | ĐT Việt Hưng   | 229 | 6 | 229 | Tổ 9, 11 (Gồm khu BT4), tổ 12,14,15 ( gồm khu BT 5,6) phường Giang Biên                       |                                       | 38.2 |
| 19 | Giang Biên     | 240 | 6 | 240 | Tổ dân phố số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 13,18, 19, 20 phường Giang Biên                         |                                       | 40   |
| 20 | Lê Quý Đôn     | 240 | 6 | 240 | Tổ 1,2,3, Chung cư Ruby City 3, Khu Vinhome phường Phúc Lợi ; Tổ 16, 17 phường Giang Biên     |                                       | 40   |
| 21 | Phúc Lợi       | 240 | 6 | 240 | Tổ dân phố 4,5,6,7,8,9,10,11,15 phường Phúc Lợi                                               |                                       | 40   |
| 22 | Lý Thường Kiệt | 175 | 4 | 170 | Tổ dân phố số 18, 19, 20a (trong đề), 23, 28,29, 31, 32 P. Ngọc Thụ                           | Tuyển DT3 thuộc tuyển của TH Ngọc Thụ | 42.5 |
| 23 | Ngọc Thụ       | 320 | 8 | 320 | Tổ dân phố 4, 6, 7, 11, 13, 14, 16, 17, 22, 25, 27 phường Ngọc Thụ                            | Tuyển DT1, DT2                        | 40   |
| 24 | Gia Thượng     | 196 | 5 | 196 | Tổ dân phố số 1, 8, 10, 20b (ngoài đề), 34, 35, 36, 38 Phường Ngọc Thụ                        | Tuyển DT3 thuộc tuyển của TH Ngọc Thụ | 39.2 |
| 25 | Vũ Xuân Thiều  | 258 | 6 | 240 | Tổ dân phố số 1,2,5,7,8,11,19,20,22 Phường Sài Đồng<br>Tổ dân phố số 12,13,14 Phường Phúc Lợi |                                       | 40   |
| 26 | Sài Đồng       | 230 | 6 | 230 | Tổ 12,13,14,15 P. Sài Đồng; Tổ 5,8 P. Phúc Đồng                                               |                                       | 38.3 |

*Handwritten signature*



|           |               |                       |      |     |      |                                                                                                               |      |      |
|-----------|---------------|-----------------------|------|-----|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|
|           | 27            | Nguyễn Bình Khiêm     | 170  | 5   | 170  | Tổ dân phố 15,16 P Việt Hưng; Tổ 10 P Phúc Đồng<br>Tổ dân phố số 16,17,18 P Sài Đồng; Chung cư Le Grand Jadin |      | 34   |
|           | 28            | Phúc Đồng             | 257  | 6   | 240  | Tổ dân phố 1,2,3,4,6,7,11,12 phường Phúc Đồng                                                                 |      | 40   |
|           | 29            | ĐT Sài Đồng           |      | 6   | 170  | Học sinh trên toàn quận                                                                                       |      | 28.3 |
|           | Tổng C.lập    |                       | 6660 | 174 | 6662 |                                                                                                               | 38.3 |      |
| Ngoài CL  | 1             | Vinschool The Harmony |      | 14  | 420  | Học sinh đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                         |      | 30   |
|           | 2             | Wellspring            |      | 6   | 130  | Học sinh trên địa bàn Thành phố và một số tỉnh lân cận.                                                       |      | 21.7 |
|           | 3             | Times School Khai Sơn |      | 2   | 60   | Học sinh đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                         |      | 30   |
|           | Tổng Ngoài CL |                       |      | 22  | 610  |                                                                                                               | 27.7 |      |
| Tổng Quận |               |                       | 6660 | 196 | 7272 |                                                                                                               | 37.1 |      |

*ab*

(Phụ lục 1c)

| Loại hình | TT | Tên trường        | Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn | Chỉ tiêu |       | Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)                                                           | Ghi chú                                       | Số HS/Lớp |
|-----------|----|-------------------|--------------------------------------------------|----------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|
|           |    |                   |                                                  | Số lớp   | Số HS |                                                                                                                 |                                               |           |
| 1         | 2  | 3                 | 4                                                | 5        | 6     | 7                                                                                                               | 8                                             | 9         |
| Công lập  | 1  | Ngọc Thụy         | 482                                              | 10       | 430   | Tổ 4, 6, 7, 11, 13, 14, 16, 19, 20, 22, 23, 25, 27, 28, 29, 31, 32 phường Ngọc Thụy                             |                                               | 43        |
|           | 2  | Lý Thường Kiệt    | 350                                              | 8        | 340   | Tổ 1, 8, 10, 17, 18, 34, 35, 36, 38 phường Ngọc Thụy                                                            |                                               | 42.5      |
|           | 3  | Phúc Đồng         | 271                                              | 6        | 250   | Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 phường phúc Đồng; Chung cư Hope Residence                                                | Tuyển thêm diện DT 3 phường Sài Đồng          | 41.7      |
|           | 4  | Nguyễn Bình Khiêm | 291                                              | 6        | 250   | Tổ 8, 10 phường Phúc Đồng; Tổ 15, 16 phường Việt Hưng<br>Tổ 15, 16, 17 phường Sài Đồng; Chung cư Le Grand Jadin |                                               | 41.7      |
|           | 5  | Sài Đồng          | 500                                              | 11       | 470   | Tổ 1, 2, 5, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 18, 19, 20, 21, 22 P. Sài Đồng (Diện DT1, 2)                                  |                                               | 42.7      |
|           | 6  | Lê Quý Đôn        | 310                                              | 8        | 320   | Tổ 1, 2, 3, 12, 13, 14 phường Phúc Lợi và khu đô thị Vinhomes, chung cư Ruby 3.                                 | Tuyển thêm diện DT 3 phường Sài Đồng          | 40        |
|           | 7  | Phúc Lợi          | 260                                              | 6        | 260   | Tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 15 phường Phúc Lợi                                                                 |                                               | 43.3      |
|           | 8  | ĐT Việt Hưng      | 260                                              | 6        | 260   | Tổ 9, 10, 11, 12, 14, 15 phường Giang Biên                                                                      |                                               | 43.3      |
|           | 9  | Giang Biên        | 295                                              | 7        | 280   | Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 13, 16, 17, 18, 19, 20, Chung cư Ruby 1, 2, phường Giang Biên                           |                                               | 40        |
|           | 10 | Ái Mộ             | 522                                              | 10       | 430   | Phường Ngọc Lâm (Tuyển diện DT1, 2)                                                                             |                                               | 43        |
|           | 11 | Gia Quất          | 230                                              | 6        | 260   | Tổ 1, 3, 4, 6, 8 phường Thượng Thanh, chung cư Home Land, Rice city Sông Hồng                                   | Tuyển thêm diện DT3 phường Ngọc Lâm, Gia Thụy | 43.3      |
|           | 12 | Thượng Thanh      | 289                                              | 7        | 280   | Tổ 8, 11, 13 phường Thượng Thanh. Tổ 1, 19, 26, 27 phường Đức Giang                                             |                                               | 40        |
|           | 13 | Thanh Am          | 290                                              | 7        | 280   | Tổ 18, 19, 20, 21, 22, 24, 26, 29, 30 phường Thượng Thanh; Chung cư công an. Tổ 9 phường Đức Giang              |                                               | 40        |
|           | 14 | Thạch Bàn         | 620                                              | 12       | 520   | Phường Thạch Bàn (Diện DT1, DT2)                                                                                |                                               | 43.3      |
|           | 15 | Cự Khối           | 260                                              | 7        | 300   | Phường Cự Khối                                                                                                  | Tuyển thêm diện DT3 phường Thạch Bàn          | 42.9      |
|           | 16 | Long Biên         | 505                                              | 11       | 450   | Phường Long Biên                                                                                                |                                               | 40.9      |
|           | 17 | Gia Thụy          | 433                                              | 10       | 400   | Phường Gia Thụy (Diện DT1, DT2)                                                                                 |                                               | 40        |



|                  |               |                                         |      |     |      |                                                                                                                |                                                        |      |
|------------------|---------------|-----------------------------------------|------|-----|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------|
|                  | 18            | Ngọc Lâm                                | 348  | 8   | 320  | Tổ 3, 7, 8, 18, 19, 20, 21, 22 phường Bồ Đề; Các chung cư Berriver, PHC Complex, Bộ quốc phòng (Diện DT1, DT2) |                                                        | 40   |
|                  | 19            | Bồ Đề                                   | 330  | 7   | 280  | Tổ 1, 2, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 23, 24, 25 phường Bồ Đề; chung cư 319                            | Tuyển thêm diện DT 3 phường Bồ Đề, Gia Thụy, Long Biên | 40   |
|                  | 20            | Việt Hưng                               | 350  | 7   | 280  | Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 phường Việt Hưng                                                              |                                                        | 40   |
|                  | 21            | Đức Giang                               | 280  | 6   | 240  | Tổ 1, 3, 5, 6, 7, 18, 20, 21, 22 phường Đức Giang                                                              |                                                        | 40   |
|                  | 22            | Ngô Gia Tự                              | 240  | 6   | 240  | Tổ 10, 12, 14, 15, 16, 17B Phường Đức Giang; tổ 14 Phường Việt Hưng                                            |                                                        | 40   |
|                  | 23            | Chu Văn An                              |      | 6   | 210  | Tuyển sinh trên toàn Thành phố                                                                                 |                                                        | 35   |
|                  | 24            | Nguyễn Gia Thiều                        |      | 6   | 210  | Tuyển sinh trên toàn Thành phố                                                                                 |                                                        | 35   |
|                  | Tổng C.lập    |                                         | 7716 | 184 | 7560 |                                                                                                                |                                                        | 41.1 |
| Ngoài CL         | 1             | TH, THCS và THPT Vinsschool the Harmony |      | 12  | 350  | Tuyển sinh trên toàn Thành phố                                                                                 |                                                        | 29.2 |
|                  | 2             | TH, THCS Wellspring                     |      | 10  | 250  | Tuyển sinh trên toàn Thành phố                                                                                 |                                                        | 25   |
|                  | 3             | Times School Khai Sơn                   |      | 3   | 90   | Tuyển sinh trên toàn Thành phố                                                                                 |                                                        | 30   |
|                  | Tổng Ngoài CL |                                         | 0    | 22  | 690  |                                                                                                                |                                                        | 31.4 |
| Tổng Quận, Huyện |               |                                         | 0    | 25  | 8250 |                                                                                                                |                                                        | 330  |



*Handwritten signature or mark.*